

Số: **5011** /SYT-NV  
V/v góp ý dự thảo Thông tư quy  
định chế độ báo cáo công tác  
phòng, chống HIV/AIDS.

Đồng Nai, ngày **21** tháng 7 năm 2022

Kính gửi:

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai;
- Trung tâm Y tế các huyện, thành phố;
- Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.  
(Sau đây gọi là các đơn vị)

Sở Y tế nhận được Công văn số 576/AIDS-GSXN ngày 19/7/2022 của Cục Phòng, chống HIV/AIDS góp ý dự thảo Thông tư quy định chế độ báo cáo công tác phòng, chống HIV/AIDS (Công văn và dự thảo gửi kèm), Sở Y tế có ý kiến như sau:

1. Đề nghị Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị nghiên cứu và cho ý kiến góp ý dự thảo Thông tư quy định chế độ báo cáo công tác phòng, chống HIV/AIDS đính kèm công văn nêu trên của Cục Phòng, chống HIV/AIDS. Văn bản góp ý gửi về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (Khoa Phòng, chống HIV/AIDS, số điện thoại: 0251.8872322, email: [phongkhtc.pacdn@gmail.com](mailto:phongkhtc.pacdn@gmail.com)) tổng hợp trước ngày **26/7/2022**.

2. Giao Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh làm đầu mối tổng hợp ý kiến góp ý của các đơn vị, gửi về Cục Phòng, chống HIV/AIDS (số điện thoại: 024.38465731, email: [dinhanh107@gmail.com](mailto:dinhanh107@gmail.com)), đồng thời báo cáo Sở Y tế trước ngày **28/7/2022**.

Sở Y tế đề nghị các đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục PC HIV/AIDS;
- BGĐ SYT (để báo cáo);
- Website SYT;
- Lưu: VT, NV.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Bình**

**BỘ Y TẾ  
CỤC PHÒNG, CHỐNG  
HIV/AIDS**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 576 /AIDS-GSXN

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Thông tư quy định  
chế độ báo cáo công tác phòng, chống  
HIV/AIDS

**KHẨN**

Kính gửi: Sở Y tế các tỉnh/thành phố

Thực hiện kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ban hành theo Quyết định số 5919/QĐ-BYT ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Cục Phòng, chống HIV/AIDS đã dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 03/2015/TT-BYT ngày 16/03/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chế độ báo cáo công tác phòng, chống HIV/AIDS. Cục Phòng, chống HIV/AIDS kính đề nghị Quý đơn vị góp ý cho dự thảo Thông tư trên (bản dự thảo đính kèm).

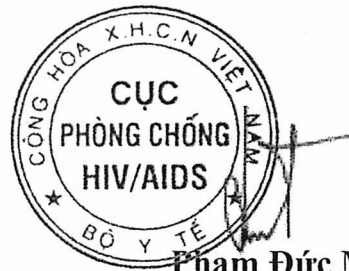
Văn bản góp ý đề nghị Quý đơn vị gửi về Cục Phòng, chống HIV/AIDS, địa chỉ: ngõ 8, Tôn Thất Thuyết, Nam Từ Liêm, Hà Nội, điện thoại: 024.38465731, email: [dinhanh107@gmail.com](mailto:dinhanh107@gmail.com), trước ngày **28/7/2022** để tổng hợp hoàn thiện dự thảo.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Trung tâm kiểm soát bệnh tật các tỉnh/thành phố (để thực hiện);
- Bệnh viện Bệnh nhiệt đới tỉnh Hải Dương, Hưng Yên (để thực hiện);
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, GSXN.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Phạm Đức Mạnh**

Số: /2022/TT - BHYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO 1

**THÔNG TƯ**

**Quy định chế độ báo cáo công tác phòng, chống HIV/AIDS**

Căn cứ Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 07 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và phụ lục danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo công tác phòng, chống HIV/AIDS như sau.

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định nguyên tắc, tần suất, hình thức, nội dung, thời gian, quy trình, biểu mẫu và trách nhiệm báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cơ quan, đơn vị có thực hiện hoạt động phòng, chống HIV/AIDS (sau đây gọi tắt là cơ sở thực hiện hoạt động phòng, chống HIV/AIDS) thuộc một trong các nội dung sau:

a) Thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS;

b) Dự phòng lây nhiễm HIV, bao gồm: Chương trình phân phát bao cao su; Chương trình phân phát bơm kim tiêm; điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; điều trị dự phòng trước phơi nhiễm với HIV bằng thuốc kháng HIV;

c) Điều trị, chăm sóc và dự phòng lây truyền HIV, bao gồm: điều trị bằng thuốc kháng HIV; điều trị Lao tiềm ẩn; điều trị đồng nhiễm HIV và Lao; điều trị đồng nhiễm HIV và Viêm gan C; dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con;

d) Xét nghiệm HIV, bao gồm: Xét nghiệm sàng lọc HIV, xét nghiệm chẩn đoán HIV, xét nghiệm chẩn đoán sớm HIV cho trẻ dưới 18 tháng tuổi.

## **Điều 2. Nguyên tắc báo cáo**

1. Thông tin báo cáo phải bảo đảm tính trung thực, chính xác, đầy đủ và kịp thời.

2. Nội dung báo cáo phải bảo đảm đúng yêu cầu, quy trình, thẩm quyền và biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Bảo đảm các nguồn số liệu được tổng hợp đầy đủ, không chồng chéo ở mỗi tuyến quản lý.

4. Bảo đảm giữ bí mật các thông tin liên quan đến người nhiễm HIV trong quá trình thực hiện báo cáo và bảo mật tài khoản truy cập hệ thống đối với hình thức báo cáo qua hệ thống báo cáo điện tử của chương trình phòng, chống HIV/AIDS (sau đây gọi tắt là báo cáo trực tuyến).

## **Điều 3. Tần suất báo cáo**

1. Báo cáo định kỳ bao gồm: báo cáo quý, báo cáo năm.

2. Báo cáo đột xuất.

## **Điều 4. Hình thức báo cáo**

1. Báo cáo định kỳ:

a) Báo cáo bằng hình thức trực tuyến thông qua ứng dụng phần mềm báo cáo số liệu hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

b) Lưu các báo cáo bằng văn bản có chữ ký lãnh đạo và dấu đơn vị để đối chiếu.

2. Báo cáo đột xuất: Báo cáo bằng văn bản có chữ ký lãnh đạo và dấu đơn vị.

## **Chương II CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

### **Điều 5. Nội dung báo cáo**

1. Báo cáo định kỳ:

a) Trạm y tế xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Trạm y tế tuyến xã) tổng hợp và thực hiện báo cáo quý theo quy định tại Phụ lục 1 và báo cáo năm theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là Trung tâm Y tế tuyến huyện) tổng hợp và thực hiện báo cáo quý theo quy định tại Phụ lục 3 và báo cáo năm theo quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Bệnh viện bệnh Nhiệt đới tỉnh Hưng Yên và Bệnh viện bệnh Nhiệt đới tỉnh Hải Dương (sau đây gọi tắt là Cơ quan đầu mối báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tuyến tỉnh) tổng hợp và thực hiện báo cáo quý theo quy định tại Phụ lục 5 và báo cáo năm theo quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này;

2. Báo cáo đột xuất: nội dung báo cáo phải nêu rõ sự việc, thời gian, địa điểm, tình hình diễn biến, hậu quả và các giải pháp xử lý đối với các vấn đề xảy ra đột xuất trong phạm vi đơn vị phụ trách. Trường hợp báo cáo theo yêu cầu của cấp trên, nội dung báo cáo phải đầy đủ theo đúng nội dung được yêu cầu.

#### **Điều 6. Thời gian thống kê số liệu báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất**

1. Báo cáo định kỳ:

a) Số liệu báo cáo của Quý I được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/3 hằng năm;

b) Số liệu báo cáo của Quý II được tính từ ngày 01/4 đến hết ngày 30/6 hằng năm;

c) Số liệu báo cáo của Quý III được tính từ ngày 01/7 đến hết ngày 30/9 hằng năm;

d) Số liệu báo cáo của Quý IV được tính từ ngày 01/10 đến hết ngày 31/12 hằng năm;

đ) Số liệu báo cáo năm được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 hằng năm.

2. Báo cáo đột xuất: Số liệu đối với báo cáo đột xuất được thực hiện theo yêu cầu cụ thể về thời gian thực hiện thống kê số liệu của từng báo cáo.

#### **Điều 7. Quy trình báo cáo định kỳ**

1. Chậm nhất trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc thống kê số liệu quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư này, các cơ sở tuyến xã có thực hiện hoạt động phòng, chống HIV/AIDS quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư này nộp báo cáo cho Trạm y tế xã.

2. Chậm nhất trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc thống kê số liệu quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư này, các đơn vị sau đây phải nộp báo cáo cho Trung tâm Y tế tuyến huyện:

a) Trạm y tế xã;

b) Các cơ sở thuộc Ủy ban nhân dân huyện và các ban, ngành, đoàn thể thuộc tuyến huyện có thực hiện hoạt động phòng, chống HIV/AIDS quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư này.

3. Chậm nhất trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc thống kê số liệu quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư này, các đơn vị sau đây

phải nộp báo cáo cho Cơ quan đầu mối báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tỉnh:

a) Trung tâm Y tế tuyến huyện phải thực hiện báo cáo trực tuyến cho Cơ quan đầu mối báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tỉnh. Trường hợp chưa thực hiện được báo cáo trực tuyến thì phải báo cáo bằng văn bản;

b) Các cơ sở thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các ban, ngành, đoàn thể thuộc tuyến tỉnh có thực hiện hoạt động phòng, chống HIV/AIDS quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư này;

c) Các cơ sở trực thuộc Bộ Y tế và các bộ, ngành có trụ sở đặt trên địa bàn tỉnh có thực hiện hoạt động phòng, chống HIV/AIDS quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư này;

d) Các tổ chức, cơ quan, đơn vị khác trừ các trường hợp đã thực hiện báo cáo theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

4. Chậm nhất trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc thống kê số liệu quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư này, Cơ quan đầu mối báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tỉnh phải thực hiện báo cáo trực tuyến cho Cục Phòng, chống HIV/AIDS và Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương hoặc Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên hoặc Viện Pasteur Nha Trang hoặc Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là các Viện khu vực).

#### **Điều 8. Quy trình báo cáo đột xuất**

Thời gian gửi báo cáo đột xuất thực hiện theo yêu cầu của cấp trên hoặc vấn đề cần báo cáo của cơ sở. Trong trường hợp khẩn cấp, báo cáo có thể được gửi qua hệ thống FAX, điện báo hoặc thư điện tử nhưng trong vòng 72 giờ, phải gửi bản chính theo đường công văn.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 9. Trách nhiệm của Cục Phòng, chống HIV/AIDS - Bộ Y tế**

1. Chủ trì, phối hợp các Viện khu vực tổ chức tập huấn, hỗ trợ cho các đơn vị địa phương triển khai thực hiện các quy định của Thông tư.

2. Thiết lập, duy trì, quản lý cơ sở dữ liệu của hệ thống báo cáo trực tuyến và quản lý việc phân quyền sử dụng, tra cứu số liệu thuộc hệ thống báo cáo trực tuyến.

3. Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Thông tư này trên phạm vi toàn quốc.

4. Thu thập, tổng hợp và phân tích số liệu về hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên toàn quốc theo định kỳ hằng quý, hằng năm, 05 năm và 10 năm.

### **Điều 10. Trách nhiệm của Viện khu vực**

1. Hướng dẫn, đôn đốc các tỉnh trong phạm vi khu vực phụ trách thực hiện thống kê báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS theo quy định tại Thông tư này.

2. Rà soát, phản hồi số liệu và hỗ trợ các tỉnh thực hiện rà soát đảm bảo chất lượng số liệu.

3. Tổng hợp, phân tích số liệu, báo cáo kết quả hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trong phạm vi khu vực phụ trách hằng quý, hằng năm.

4. Tổng hợp và kiến nghị sửa đổi, bổ sung nhằm khắc phục các bất cập liên quan đến báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS phát sinh trong quá trình triển khai các quy định của Thông tư này.

5. Kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả việc thực hiện công tác thống kê báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trong phạm vi khu vực phụ trách.

### **Điều 11. Trách nhiệm của Sở Y tế**

1. Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Thông tư trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát triển khai thực hiện báo cáo công tác phòng, chống HIV/AIDS đối với các đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh.

3. Kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả việc thực hiện Thông tư trong phạm vi tỉnh.

### **Điều 12. Trách nhiệm của Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh**

1. Thống kê, cập nhật danh sách các tổ chức, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh có thực hiện hoạt động phòng, chống HIV/AIDS theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư này; tập huấn, hướng dẫn và hỗ trợ các tổ chức, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện báo cáo theo quy định của Thông tư này.

2. Tổ chức triển khai sử dụng phần mềm báo cáo trực tuyến và cấp tài khoản truy cập hệ thống báo cáo trực tuyến cho các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn tỉnh.

3. Tổng hợp, rà soát, phản hồi và thực hiện báo cáo số liệu theo quy định tại Thông tư này.

4. Tham mưu Sở Y tế thực hiện việc kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả việc thực hiện công tác thống kê báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trong phạm vi tỉnh.

5. Tổng hợp, phân tích và sử dụng số liệu hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trong xây dựng kế hoạch và quản lý chương trình.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Trung tâm Y tế tuyến huyện**

1. Phối hợp với Cơ quan đầu mối báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tỉnh thống kê, cập nhật danh sách các tổ chức, cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện có thực hiện hoạt động phòng, chống HIV/AIDS theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư này; phối hợp với Cơ quan đầu mối báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tỉnh hướng dẫn và hỗ trợ các tổ chức, cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện thực hiện báo cáo theo quy định của Thông tư.

2. Tổng hợp, rà soát, phản hồi và thực hiện báo cáo số liệu theo quy định tại Thông tư này.

3. Tổng hợp, phân tích và sử dụng số liệu hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trong xây dựng kế hoạch và quản lý chương trình.

4. Kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện các báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trong phạm vi huyện.

#### **Điều 14. Trách nhiệm của Trạm y tế tuyến xã**

1. Tổ chức thực hiện việc thống kê, ghi chép và báo cáo số liệu theo quy định tại Thông tư này.

2. Phân tích, sử dụng số liệu cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trong phạm vi xã.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của người làm báo cáo**

1. Thu thập, rà soát và thực hiện báo cáo số liệu theo quy định tại Thông tư này.

2. Người trực tiếp lập biểu báo cáo phải chịu trách nhiệm trước người phụ trách bộ phận về nội dung của báo cáo.

3. Người phụ trách bộ phận chịu trách nhiệm trước thủ trưởng đơn vị và cơ quan chức năng về nội dung báo cáo.

4. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm trước cấp trên về nội dung báo cáo.

5. Trong trường hợp có điều chỉnh số liệu báo cáo sau thời gian quy định tại Điều 7 Thông tư này, đơn vị thực hiện báo cáo phải có báo cáo bằng văn bản cho đơn vị tổng hợp báo cáo tuyến trên. Báo cáo bằng văn bản phải nêu rõ số liệu nào cần điều chỉnh và lý do phải điều chỉnh.

### **Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 16. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

2. Thông tư số 03/2015/TT-BYT ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy định chế độ báo cáo công tác phòng,

chống HIV/AIDS hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

### **Điều 17. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS, Vụ trưởng, Cục trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng cơ quan y tế các Bộ, ngành chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Y tế (Cục Phòng, chống HIV/AIDS) để nghiên cứu, giải quyết.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (Vụ KGVX, Phòng Công báo, Công TTĐT Chính phủ);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ trưởng Bộ Y tế (để báo cáo);
- Các Thủ trưởng Bộ Y tế (để phối hợp chi đạo);
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;
- Y tế các Bộ, ngành;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, Công thông tin điện tử BHYT;
- Lưu: VT, PC, AIDS (05b).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Trường Sơn**

Phụ lục 1

**MẪU BÁO CÁO QUÝ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS – TUYẾN XÃ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số: / /TT-BYT ngày tháng năm )

Tên đơn vị báo cáo:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS - TUYẾN XÃ**

Quý.....Năm.....

Đơn vị nhận báo cáo: .....

**BẢNG 1: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CAN THIỆP GIẢM TÁC HẠI**

| TT | Đối tượng                       | Số người được nhận dịch vụ |            |               |
|----|---------------------------------|----------------------------|------------|---------------|
|    |                                 | Bơm kim tiêm               | Bao cao su | Chất bôi trơn |
| 1  | Nghiện chích ma túy             |                            |            |               |
| 2  | Phụ nữ bán dâm                  |                            |            |               |
| 3  | Nam có quan hệ tình dục với nam |                            |            |               |
| 4  | Người chuyển giới (TG)          |                            |            |               |
| 5  | Đối tượng khác                  |                            |            |               |

**BẢNG 2: TƯ VẤN XÉT NGHIỆM HIV**

| TT       | Nội dung báo cáo                        | Số người được xét nghiệm HIV |    |      | Số người có kết quả xét nghiệm HIV dương tính |    |      |
|----------|---|------------------------------|----|------|---|----|------|
|          |   | Nam                          | Nữ | Tổng | Nam   | Nữ | Tổng |
| <b>I</b> | <b>Người từ 15 tuổi trở lên</b>         |                              |    |      |   |    |      |
| 1        | Nghiện chích ma túy                     |                              |    |      |   |    |      |
| 2        | Phụ nữ bán dâm                          | X                            |    |      | X   |    |      |
| 3        | Nam có quan hệ tình dục với nam         |                              | X  |      |   | X  |      |
| 4        | Người chuyển giới (TG)                  |                              |    |      |   |    |      |
| 5        | Vợ/chồng/bạn tình của người nhiễm HIV   |                              |    |      |   |    |      |
| 6        | Số phụ nữ mang thai được xét nghiệm HIV | X                            |    |      | X   |    |      |
| 6.1.     | Thời kỳ mang thai                       | X                            |    |      | X   |    |      |
| 6.2.     | Giai đoạn chuyển dạ, đẻ                 | X                            |    |      | X   |    |      |
| 7        | Bệnh nhân lao                           |                              |    |      |   |    |      |
| 8        | Phạm nhân                               |                              |    |      |   |    |      |

|    |                     |  |  |  |  |  |  |
|----|---------------------|--|--|--|--|--|--|
| 9  | Các đối tượng khác  |  |  |  |  |  |  |
| II | Trẻ em dưới 15 tuổi |  |  |  |  |  |  |

**BẢNG 3: TRUYỀN THÔNG PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS**

| TT | Nội dung báo cáo                                 | Hình thức |           |      |
|----|--|-----------|-----------|------|
|    |  | Trực tiếp | Gián tiếp | Tổng |
| 1  | Số lượt truyền thông về HIV/AIDS (các hình thức) |           |           |      |
| 2  | Số lượt người được truyền thông về HIV/AIDS      |           |           |      |

**Khó khăn và tồn tại:**

.....  
 .....  
 .....

**Nhận xét và đề xuất:**

.....  
 .....  
 .....

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Người kiểm tra biểu**  
(Ký, họ tên)

Ngày ..... tháng.....năm 20...  
**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Phụ lục 2

**MẪU BÁO CÁO THU THẬP 01 LẦN TRONG NĂM – TUYẾN XÃ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số: / /TT-BYT ngày tháng năm )

Tên đơn vị báo cáo:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS - TUYẾN XÃ**

(Dành cho các chỉ số thu thập 01 năm 01 lần)

Năm.....

Đơn vị nhận báo cáo: .....

**BẢNG 1: NGUỒN NHÂN LỰC HỆ THỐNG**

| TT   | Nội dung báo cáo    | Số cán bộ |    |      |
|--|---------------------|-----------|----|------|
|  |                     | Nam       | Nữ | Tổng |
| Số cán bộ công tác trong lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS: |                     |           |    |      |
| 1  | Cán bộ chuyên trách |           |    |      |
| 2  | Cán bộ kiêm nhiệm   |           |    |      |

Khó khăn và tồn tại:

.....  
.....  
.....  
.....

Nhận xét và đề xuất:

.....  
.....  
.....  
.....

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu  
(Ký, họ tên)

Ngày ..... tháng.....năm 20...

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, đóng dấu, họ tên)

**Phụ lục 3**

**MẪU BÁO CÁO QUÝ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS – TUYẾN HUYỆN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: / /TT-BYT ngày tháng năm )*

Tên đơn vị báo cáo:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS - TUYẾN HUYỆN**

*Quý.....Năm.....*

Đơn vị nhận báo cáo: .....

**BẢNG 1: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CAN THIỆP GIẢM TÁC HẠI**

| TT | Đối tượng                       | Số người được nhận dịch vụ |            |               |
|----|---------------------------------|----------------------------|------------|---------------|
|    |                                 | Bơm kim tiêm               | Bao cao su | Chất bôi trơn |
| 1  | Nghiện chích ma túy             |                            |            |               |
| 2  | Phụ nữ bán dâm                  |                            |            |               |
| 3  | Nam có quan hệ tình dục với nam |                            |            |               |
| 4  | Người chuyển giới (TG)          |                            |            |               |
| 5  | Đối tượng khác                  |                            |            |               |

**BẢNG 2: TƯ VẤN XÉT NGHIỆM HIV**

| TT       | Nội dung báo cáo                        | Số người được xét nghiệm HIV |    |      | Số người có kết quả xét nghiệm HIV dương tính |    |      |
|----------|---|------------------------------|----|------|---|----|------|
|          |   | Nam                          | Nữ | Tổng | Nam   | Nữ | Tổng |
| <b>I</b> | <b>Người từ 15 tuổi trở lên</b>         |                              |    |      |   |    |      |
| 1        | Nghiện chích ma túy                     |                              |    |      |   |    |      |
| 2        | Phụ nữ bán dâm                          | X                            |    |      | X   |    |      |
| 3        | Nam có quan hệ tình dục với nam         |                              | X  |      |   | X  |      |
| 4        | Người chuyển giới (TG)                  |                              |    |      |   |    |      |
| 5        | Vợ/chồng/bạn tình của người nhiễm HIV   |                              |    |      |   |    |      |
| 6        | Số phụ nữ mang thai được xét nghiệm HIV | X                            |    |      | X   |    |      |
| 6.1.     | <i>Thời kỳ mang thai</i>                | X                            |    |      | X   |    |      |
| 6.2.     | <i>Giai đoạn chuyển dạ, đẻ</i>          | X                            |    |      | X   |    |      |
| 7        | Bệnh nhân lao                           |                              |    |      |   |    |      |
| 8        | Phạm nhân                               |                              |    |      |   |    |      |

|           |                            |  |  |  |  |  |  |
|-----------|----------------------------|--|--|--|--|--|--|
| 9         | Các đối tượng khác         |  |  |  |  |  |  |
| <b>II</b> | <b>Trẻ em dưới 15 tuổi</b> |  |  |  |  |  |  |

**BẢNG 3: ĐIỀU TRỊ NGHIỆN CÁC CHẤT DẠNG THUỐC PHIÊN BẢNG METHADONE**

| TT  | Nội dung báo cáo   | Số bệnh nhân |    |      |
|-----|--|--------------|----|------|
|     |  | Nam          | Nữ | Tổng |
| 1   | Số bệnh nhân hiện đang điều trị Methadone tại thời điểm báo cáo. Trong đó: |              |    |      |
| 1.1 | Số bệnh nhân điều trị trên 6 tháng   |              |    |      |
| 1.2 | Số bệnh nhân điều trị trên 12 tháng  |              |    |      |
| 1.3 | Số bệnh nhân HIV (+)   |              |    |      |
| 2   | Số bệnh nhân nhận thuốc tại cơ sở điều trị                                 |              |    |      |
| 3   | Số bệnh nhân nhận thuốc tại cơ sở cấp phát thuốc                           |              |    |      |
| 4   | Số bệnh nhân được cấp thuốc mang về nhà                                    |              |    |      |
| 5   | Số bệnh nhân bỏ điều trị trong kỳ báo cáo                                  |              |    |      |

**BẢNG 4: QUẢN LÝ ĐIỀU TRỊ ARV**

| TT        | Nội dung báo cáo   | Số bệnh nhân       |    |      |              |    |      | Tổng |
|-----------|--|--------------------|----|------|--------------|----|------|------|
|           |  | Từ 15 tuổi trở lên |    |      | Dưới 15 tuổi |    |      |      |
|           |  | Nam                | Nữ | Tổng | Nam          | Nữ | Tổng |      |
| <b>I</b>  | <b>Điều trị ARV</b>  |                    |    |      |              |    |      |      |
| 1         | Số bệnh nhân điều trị ARV cuối kỳ báo cáo trước  |                    |    |      |              |    |      |      |
| 2         | Số bệnh nhân điều trị ARV trong kỳ báo cáo   |                    |    |      |              |    |      |      |
| 2.1       | Số bệnh nhân bắt đầu điều trị lần đầu  |                    |    |      |              |    |      |      |
| 2.2       | Số bệnh nhân điều trị lại  |                    |    |      |              |    |      |      |
| 2.3       | Số bệnh nhân chuyển đến  |                    |    |      |              |    |      |      |
| 2.4       | Số bệnh nhân chuyển đi   |                    |    |      |              |    |      |      |
| 2.5       | Số bệnh nhân bỏ điều trị   |                    |    |      |              |    |      |      |
| 2.6       | Số bệnh nhân tử vong   |                    |    |      |              |    |      |      |
| 2.7       | Số bệnh nhân hiện đang điều trị ARV cuối kỳ báo cáo này  |                    |    |      |              |    |      |      |
| <b>II</b> | <b>Xét nghiệm TLVR</b>   |                    |    |      |              |    |      |      |
| 1         | Số bệnh nhân điều trị ARV được làm và có kết quả xét nghiệm tải lượng HIV để khẳng định thất bại điều trị trong kỳ báo cáo |                    |    |      |              |    |      |      |

|            |  |  |  |  |  |  |  |  |
|------------|--|--|--|--|--|--|--|--|
|            | Trong đó, số bệnh nhân có kết quả tải lượng HIV dưới 1000 cp/ml                                |  |  |  |  |  |  |  |
| 2          | Số bệnh nhân điều trị ARV được làm và có kết quả xét nghiệm tải lượng định kỳ trong kỳ báo cáo |  |  |  |  |  |  |  |
|            | Trong đó, số bệnh nhân có kết quả tải lượng HIV dưới 1000 cp/ml                                |  |  |  |  |  |  |  |
| <b>III</b> | <b>Bảo hiểm y tế</b>   |  |  |  |  |  |  |  |
|            | Số người đang điều trị ARV đến cuối kỳ báo cáo có thẻ BHYT                                     |  |  |  |  |  |  |  |

**BẢNG 5: QUẢN LÝ ĐIỀU TRỊ ĐỒNG NHIỄM**

| TT         | Nội dung báo cáo  | Số bệnh nhân       |    |      |              |    |      | Tổng |
|------------|---|--------------------|----|------|--------------|----|------|------|
|            |   | Từ 15 tuổi trở lên |    |      | Dưới 15 tuổi |    |      |      |
|            |   | Nam                | Nữ | Tổng | Nam          | Nữ | Tổng |      |
| <b>I</b>   | <b>Điều trị Lao tiềm ẩn</b>   |                    |    |      |              |    |      |      |
| 1          | Số bệnh nhân đang điều trị ARV đủ điều kiện điều trị lao tiềm ẩn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo       |                    |    |      |              |    |      |      |
| 2          | Số bệnh nhân đang điều trị ARV được bắt đầu điều trị lao tiềm ẩn trong kỳ báo cáo                     |                    |    |      |              |    |      |      |
| <b>II</b>  | <b>Điều trị đồng nhiễm HIV và Lao</b>   |                    |    |      |              |    |      |      |
| 1          | Số bệnh nhân đang điều trị ARV chẩn đoán mắc lao từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo                       |                    |    |      |              |    |      |      |
| 2          | Số bệnh nhân đang điều trị ARV bắt đầu điều trị lao trong kỳ báo cáo                                  |                    |    |      |              |    |      |      |
| <b>III</b> | <b>Điều trị đồng nhiễm HIV và Viêm gan C</b>  |                    |    |      |              |    |      |      |
| 1          | Số người đồng nhiễm HIV và viêm gan C đủ điều kiện điều trị viêm gan C từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo |                    |    |      |              |    |      |      |
| 2          | Số người đồng nhiễm HIV và viêm gan C bắt đầu điều trị viêm gan C trong kỳ báo cáo                    |                    |    |      |              |    |      |      |

**BẢNG 6: DỰ PHÒNG LÂY TRUYỀN HIV TỪ MẸ SANG CON**

| TT  | Nội dung báo cáo   | Số người |
|-----|--|----------|
| 1   | Số phụ nữ mang thai nhiễm HIV được điều trị ARV trong kỳ báo cáo,<br>Trong đó: |          |
| 1.1 | Điều trị ARV trước khi có thai   |          |
| 1.2 | Bắt đầu điều trị ARV trong thời kỳ mang thai                                   |          |

|     |   |  |
|-----|---|--|
| 1.3 | Bắt đầu điều trị ARV trong khi chuyển dạ, đẻ                        |  |
| 2   | Số trẻ đẻ sống từ mẹ nhiễm HIV, trong đó:                           |  |
| 2.1 | Được dự phòng ARV   |  |
| 2.2 | Được dự phòng bằng co-trimoxazole (CTX) trong vòng 2 tháng sau sinh |  |
| 2.3 | Được điều trị ARV khi xét nghiệm PCR lần 1 dương tính               |  |

**BẢNG 7: CHẨN ĐOÁN SỚM NHIỄM HIV CHO TRẺ DƯỚI 18 THÁNG TUỔI**

| TT  | Nội dung báo cáo   | Số trẻ em có kết quả xét nghiệm |     |                |      |
|-----|--|---------------------------------|-----|----------------|------|
|     |  | (-)                             | (+) | Không xác định | Tổng |
| 1   | Số trẻ em sinh ra từ mẹ nhiễm HIV được làm xét nghiệm PCR lần 1, trong đó: |                                 |     |                |      |
| 1.1 | Số trẻ em được xét nghiệm trong vòng 2 tháng tuổi                          |                                 |     |                |      |
| 1.2 | Số trẻ em được xét nghiệm từ 2 đến 18 tháng tuổi                           |                                 |     |                |      |

**BẢNG 8: DỰ PHÒNG TRƯỚC PHỐI NHIỄM HIV (PrEP)**

| TT | Nội dung báo cáo   | Số khách hàng |     |      |    |      |      |
|----|--|---------------|-----|------|----|------|------|
|    |  | NCMT          | MSM | PNBD | TG | Khác | Tổng |
| 1  | Số khách hàng điều trị lần đầu trong kỳ báo cáo  |               |     |      |    |      |      |
| 2  | Số khách hàng điều trị PrEP ít nhất 1 lần trong kỳ báo cáo ( <i>bao gồm số đang điều trị từ kỳ báo cáo trước cộng với (số mới điều trị và số điều trị lại)</i> ) |               |     |      |    |      |      |
| 3  | Số khách hàng đang điều trị PrEP tính tại thời điểm cuối kỳ báo cáo ( <i>số khách hàng tại mục 2 trừ đi số bỏ trị và số chuyển đi</i> )                          |               |     |      |    |      |      |

**BẢNG 9: TRUYỀN THÔNG PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS**

| TT | Nội dung báo cáo                                 | Hình thức |           |      |
|----|--|-----------|-----------|------|
|    |  | Trực tiếp | Gián tiếp | Tổng |
| 1  | Số lượt truyền thông về HIV/AIDS (các hình thức) |           |           |      |
| 2  | Số lượt người được truyền thông về HIV/AIDS      |           |           |      |

**Khó khăn và tồn tại:**

.....  
.....  
.....  
.....

**Nhận xét và đề xuất:**

.....  
.....  
.....  
.....

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Người kiểm tra biểu**  
(Ký, họ tên)

Ngày ..... tháng..... năm 20...

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, họ tên)

BY: dongnai  
Thi Dung\_19/11/2022 10:23:48

Phụ lục 4

**MẪU BÁO CÁO THU THẬP 01 LẦN TRONG NĂM – TUYẾN HUYỆN**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số: / /TT-BYT ngày tháng năm )

Tên đơn vị báo cáo: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS - TUYẾN HUYỆN**  
(Dành cho các chi số thu thập 01 năm 01 lần)  
Năm.....

Đơn vị nhận báo cáo: .....

**BẢNG 1: DUY TRÌ ĐIỀU TRỊ DỰ PHÒNG TRƯỚC PHỐI NHIỄM HIV (PrEP)**

| TT | Nội dung báo cáo  | Phân theo đối tượng |     |      |    |      | Tổng |
|----|---|---------------------|-----|------|----|------|------|
|    |   | NCMT                | MSM | PNBD | TG | Khác |      |
| 1  | Số khách hàng bắt đầu điều trị PrEP trong năm<br>(số khách hàng điều trị lần đầu và số khách hàng đã điều trị của các năm trước điều trị lại) |                     |     |      |    |      |      |
| 2  | Số khách hàng bắt đầu điều trị PrEP trong năm duy trì điều trị trong 3 tháng liên tục   |                     |     |      |    |      |      |

**BẢNG 2: SỐ LƯỢNG ĐỐI TƯỢNG NGUY CƠ CAO**

| TT | Đối tượng                       | Số người   |             | Phương pháp ước tính |
|----|---------------------------------|------------|-------------|----------------------|
|    |                                 | Số quản lý | Số ước tính |                      |
| 1  | Nghiện chích ma tuý             |            |             |                      |
| 2  | Nam có quan hệ tình dục với nam |            |             |                      |
| 3  | Phụ nữ bán dâm                  |            |             |                      |
| 4  | Người chuyển giới (TG)          |            |             |                      |

**BẢNG 3: NGUỒN NHÂN LỰC HỆ THỐNG**

| TT  | Nội dung báo cáo    | Số cán bộ |    |      |
|---|---------------------|-----------|----|------|
|   |                     | Nam       | Nữ | Tổng |
| <b>Số cán bộ công tác trong lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS:</b> |                     |           |    |      |
| 1   | Cán bộ chuyên trách |           |    |      |
| 2   | Cán bộ kiêm nhiệm   |           |    |      |

**Khó khăn và tồn tại:**

.....  
.....  
.....  
.....

**Nhận xét và đề xuất:**

.....  
.....  
.....  
.....

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Người kiểm tra biểu**  
(Ký, họ tên)

Ngày ..... tháng.....năm 20...

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, họ tên)

571 download.com  
Le Thi Dung 19/07/2022 10:23:48

Phụ lục 5

**MẪU BÁO CÁO QUÝ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS – TUYẾN TỈNH**

(Ban hành kèm theo Thông tư số: / /TT-BYT ngày tháng năm )

Tên đơn vị báo cáo:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS - TUYẾN TỈNH**

Quý.....Năm.....

Đơn vị nhận báo cáo: .....

**BẢNG 1: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CAN THIỆP GIẢM TÁC HẠI**

| TT | Đối tượng                       | Số người được nhận dịch vụ |            |               |
|----|---------------------------------|----------------------------|------------|---------------|
|    |                                 | Bơm kim tiêm               | Bao cao su | Chất bôi trơn |
| 1  | Nghiện chích ma túy             |                            |            |               |
| 2  | Phụ nữ bán dâm                  |                            |            |               |
| 3  | Nam có quan hệ tình dục với nam |                            |            |               |
| 4  | Người chuyển giới (TG)          |                            |            |               |
| 5  | Đối tượng khác                  |                            |            |               |

**BẢNG 2: TƯ VẤN XÉT NGHIỆM HIV**

| TT       | Nội dung báo cáo                        | Số người được xét nghiệm HIV |    |      | Số người có kết quả xét nghiệm HIV dương tính |    |      |
|----------|---|------------------------------|----|------|---|----|------|
|          |   | Nam                          | Nữ | Tổng | Nam   | Nữ | Tổng |
| <b>I</b> | <b>Người từ 15 tuổi trở lên</b>         |                              |    |      |   |    |      |
| 1        | Nghiện chích ma túy                     |                              |    |      |   |    |      |
| 2        | Phụ nữ bán dâm                          | X                            |    |      | X   |    |      |
| 3        | Nam có quan hệ tình dục với nam         |                              | X  |      |   | X  |      |
| 4        | Người chuyển giới (TG)                  |                              |    |      |   |    |      |
| 5        | Vợ/chồng/bạn tình của người nhiễm HIV   |                              |    |      |   |    |      |
| 6        | Số phụ nữ mang thai được xét nghiệm HIV | X                            |    |      | X   |    |      |
| 6.1.     | Thời kỳ mang thai                       | X                            |    |      | X   |    |      |
| 6.2.     | Giai đoạn chuyển dạ, đẻ                 | X                            |    |      | X   |    |      |
| 7        | Bệnh nhân lao                           |                              |    |      |   |    |      |
| 8        | Phạm nhân                               |                              |    |      |   |    |      |
| 9        | Các đối tượng khác                      |                              |    |      |   |    |      |

|    |                     |  |  |  |  |  |  |
|----|---------------------|--|--|--|--|--|--|
| II | Trẻ em dưới 15 tuổi |  |  |  |  |  |  |
|----|---------------------|--|--|--|--|--|--|

**BẢNG 3: ĐIỀU TRỊ NGHIỆN CÁC CHẤT DẠNG THUỐC PHIỆN BẰNG METHADONE**

| TT  | Nội dung báo cáo   | Số bệnh nhân |    |      |
|-----|--|--------------|----|------|
|     |  | Nam          | Nữ | Tổng |
| 1   | Số bệnh nhân hiện đang điều trị Methadone tại thời điểm báo cáo. Trong đó: |              |    |      |
| 1.1 | Số bệnh nhân điều trị trên 6 tháng   |              |    |      |
| 1.2 | Số bệnh nhân điều trị trên 12 tháng  |              |    |      |
| 1.3 | Số bệnh nhân HIV (+)   |              |    |      |
| 2   | Số bệnh nhân nhận thuốc tại cơ sở điều trị                                 |              |    |      |
| 3   | Số bệnh nhân nhận thuốc tại cơ sở cấp phát thuốc                           |              |    |      |
| 4   | Số bệnh nhân được cấp phát thuốc mang về nhà                               |              |    |      |
| 5   | Số bệnh nhân bỏ điều trị trong kỳ báo cáo                                  |              |    |      |

**BẢNG 4: QUẢN LÝ ĐIỀU TRỊ ARV**

| TT        | Nội dung báo cáo   | Số bệnh nhân       |    |      |              |    |      |      |
|-----------|--|--------------------|----|------|--------------|----|------|------|
|           |  | Từ 15 tuổi trở lên |    |      | Dưới 15 tuổi |    |      | Tổng |
|           |  | Nam                | Nữ | Tổng | Nam          | Nữ | Tổng |      |
| <b>I</b>  | <b>Điều trị ARV</b>  |                    |    |      |              |    |      |      |
| 1         | Số bệnh nhân điều trị ARV cuối kỳ báo cáo trước  |                    |    |      |              |    |      |      |
| 2         | Số bệnh nhân điều trị ARV trong kỳ báo cáo   | X                  | X  | X    | X            | X  | X    | X    |
| 2.1       | Số bệnh nhân bắt đầu điều trị lần đầu  |                    |    |      |              |    |      |      |
| 2.2       | Số bệnh nhân điều trị lại  |                    |    |      |              |    |      |      |
| 2.3       | Số bệnh nhân chuyển đến  |                    |    |      |              |    |      |      |
| 2.4       | Số bệnh nhân chuyển đi   |                    |    |      |              |    |      |      |
| 2.5       | Số bệnh nhân bỏ điều trị   |                    |    |      |              |    |      |      |
| 2.6       | Số bệnh nhân tử vong   |                    |    |      |              |    |      |      |
| 2.7       | Số bệnh nhân hiện đang điều trị ARV cuối kỳ báo cáo này  |                    |    |      |              |    |      |      |
| <b>II</b> | <b>Xét nghiệm TLVR</b>   |                    |    |      |              |    |      |      |
| 1         | Số bệnh nhân điều trị ARV được làm và có kết quả xét nghiệm tải lượng HIV để khẳng định thất bại điều trị trong kỳ báo cáo |                    |    |      |              |    |      |      |

|            |  |  |  |  |  |  |  |  |
|------------|--|--|--|--|--|--|--|--|
|            | Trong đó, số bệnh nhân có kết quả tải lượng HIV dưới 1000 cp/ml                                |  |  |  |  |  |  |  |
| 2          | Số bệnh nhân điều trị ARV được làm và có kết quả xét nghiệm tải lượng định kỳ trong kỳ báo cáo |  |  |  |  |  |  |  |
|            | Trong đó, số bệnh nhân có kết quả tải lượng HIV dưới 1000 cp/ml                                |  |  |  |  |  |  |  |
| <b>III</b> | <b>Bảo hiểm y tế</b>   |  |  |  |  |  |  |  |
|            | Số người đang điều trị ARV đến cuối kỳ báo cáo có thẻ BHYT                                     |  |  |  |  |  |  |  |

**BẢNG 5: QUẢN LÝ ĐIỀU TRỊ ĐỒNG NHIỄM**

| TT         | Nội dung báo cáo  | Số bệnh nhân       |    |      |              |    |      | Tổng |
|------------|---|--------------------|----|------|--------------|----|------|------|
|            |   | Từ 15 tuổi trở lên |    |      | Dưới 15 tuổi |    |      |      |
|            |   | Nam                | Nữ | Tổng | Nam          | Nữ | Tổng |      |
| <b>I</b>   | <b>Điều trị Lao tiềm ẩn</b>   |                    |    |      |              |    |      |      |
| 1          | Số bệnh nhân đang điều trị ARV đủ điều kiện điều trị lao tiềm ẩn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo       |                    |    |      |              |    |      |      |
| 2          | Số bệnh nhân đang điều trị ARV được bắt đầu điều trị lao tiềm ẩn trong kỳ báo cáo                     |                    |    |      |              |    |      |      |
| <b>II</b>  | <b>Điều trị đồng nhiễm HIV và Lao</b>   |                    |    |      |              |    |      |      |
| 1          | Số bệnh nhân đang điều trị ARV chẩn đoán mắc lao từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo                       |                    |    |      |              |    |      |      |
| 2          | Số bệnh nhân đang điều trị ARV bắt đầu điều trị lao trong kỳ báo cáo                                  |                    |    |      |              |    |      |      |
| <b>III</b> | <b>Điều trị đồng nhiễm HIV và Viêm gan C</b>  |                    |    |      |              |    |      |      |
| 1          | Số người đồng nhiễm HIV và viêm gan C đủ điều kiện điều trị viêm gan C từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo |                    |    |      |              |    |      |      |
| 2          | Số người đồng nhiễm HIV và viêm gan C bắt đầu điều trị viêm gan C trong kỳ báo cáo                    |                    |    |      |              |    |      |      |

**BẢNG 6: DỰ PHÒNG LÂY TRUYỀN HIV TỪ MẸ SANG CON**

| TT  | Nội dung báo cáo  | Số người |
|-----|---|----------|
| 1   | Số phụ nữ mang thai nhiễm HIV được điều trị ARV trong kỳ báo cáo, Trong đó: |          |
| 1.1 | Điều trị ARV trước khi có thai  |          |
| 1.2 | Bắt đầu điều trị ARV trong thời kỳ mang thai                                |          |

|     |   |  |
|-----|---|--|
| 1.3 | Bắt đầu điều trị ARV trong khi chuyển dạ, đẻ                        |  |
| 2   | Số trẻ đẻ sống từ mẹ nhiễm HIV, trong đó:                           |  |
| 2.1 | Được dự phòng ARV   |  |
| 2.2 | Được dự phòng bằng co-trimoxazole (CTX) trong vòng 2 tháng sau sinh |  |
| 2.3 | Được điều trị ARV khi xét nghiệm PCR lần 1 dương tính               |  |

**BẢNG 7: CHẨN ĐOÁN SỚM NHIỄM HIV CHO TRẺ DƯỚI 18 THÁNG TUỔI**

| TT  | Nội dung báo cáo   | Số trẻ em có kết quả xét nghiệm |     |                |      |
|-----|--|---------------------------------|-----|----------------|------|
|     |  | (-)                             | (+) | Không xác định | Tổng |
| 1   | Số trẻ em sinh ra từ mẹ nhiễm HIV được làm xét nghiệm PCR lần 1, trong đó: |                                 |     |                |      |
| 1.1 | Số trẻ em được xét nghiệm trong vòng 2 tháng tuổi                          |                                 |     |                |      |
| 1.2 | Số trẻ em được xét nghiệm từ 2 đến 18 tháng tuổi                           |                                 |     |                |      |

**BẢNG 8: DỰ PHÒNG TRƯỚC PHỐI NHIỄM HIV (PrEP)**

| TT | Nội dung báo cáo  | Số khách hàng |     |      |    |      |      |
|----|---|---------------|-----|------|----|------|------|
|    |   | NCMT          | MSM | PNBD | TG | Khác | Tổng |
| 1  | Số khách hàng điều trị lần đầu trong kỳ báo cáo   |               |     |      |    |      |      |
| 2  | Số khách hàng điều trị PrEP ít nhất 1 lần trong kỳ báo cáo (bao gồm số đang điều trị từ kỳ báo cáo trước cộng với (số mới điều trị và số điều trị lại)) |               |     |      |    |      |      |
| 3  | Số khách hàng đang điều trị PrEP tính tại thời điểm cuối kỳ báo cáo (số khách hàng tại mục 2 trừ đi số bỏ trị và số chuyển đi)                          |               |     |      |    |      |      |

**BẢNG 9: TRUYỀN THÔNG PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS**

| TT | Nội dung báo cáo                                 | Hình thức |           |      |
|----|--|-----------|-----------|------|
|    |  | Trực tiếp | Gián tiếp | Tổng |
| 1  | Số lượt truyền thông về HIV/AIDS (các hình thức) |           |           |      |
| 2  | Số lượt người được truyền thông về HIV/AIDS      |           |           |      |

**Khó khăn và tồn tại:**

.....  
.....  
.....  
.....

**Nhận xét và đề xuất:**

.....  
.....  
.....  
.....

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Người kiểm tra biểu**  
(Ký, họ tên)

Ngày ..... tháng.....năm 20...  
**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Trường Đại học Thi Đông 10/17/2010 10:23:48

**Phụ lục 6**

**MẪU BÁO CÁO THU THẬP 01 LẦN TRONG NĂM – TUYẾN TỈNH**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số: / /TT-BYT ngày tháng năm )

Tên đơn vị báo cáo: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS - TUYẾN TỈNH**  
(Dành cho các chỉ số thu thập 01 năm 01 lần)  
Năm.....

Đơn vị nhận báo cáo: .....

**BẢNG 1: DUY TRÌ ĐIỀU TRỊ DỰ PHÒNG TRƯỚC PHƠI NHIỄM HIV (PrEP)**

| TT | Nội dung báo cáo   | Phân theo đối tượng |     |      |    |      | Tổng |
|----|--|---------------------|-----|------|----|------|------|
|    |  | NCMT                | MSM | PNBD | TG | Khác |      |
| 1  | Số khách hàng bắt đầu điều trị PrEP trong năm (số khách hàng điều trị lần đầu và số khách hàng đã điều trị của các năm trước điều trị lại) |                     |     |      |    |      |      |
| 2  | Số khách hàng bắt đầu điều trị PrEP trong năm duy trì điều trị trong 3 tháng liên tục  |                     |     |      |    |      |      |

**BẢNG 2: SỐ LƯỢNG ĐỐI TƯỢNG NGUY CƠ CAO**

| TT | Đối tượng                       | Số người   |             | Phương pháp ước tính |
|----|---------------------------------|------------|-------------|----------------------|
|    |                                 | Số quản lý | Số ước tính |                      |
| 1  | Nghiện chích ma túy             |            |             |                      |
| 2  | Nam có quan hệ tình dục với nam |            |             |                      |
| 3  | Phụ nữ bán dâm                  |            |             |                      |
| 4  | Người chuyển giới (TG)          |            |             |                      |

**BẢNG 3: ĐIỂM CUNG CẤP DỊCH VỤ**

| TT | Nội dung báo cáo                     | Số lượng |
|----|--------------------------------------|----------|
| 1  | Số phòng khám ngoại trú (OPC)        |          |
| 2  | Số cơ sở điều trị Methadone          |          |
| 3  | Số cơ sở cấp phát thuốc Methadone    |          |
| 4  | Số cơ sở tư vấn xét nghiệm tự nguyện |          |
| 5  | Số cơ sở điều trị PrEP               |          |

**BẢNG 4: KINH PHÍ TRIỂN KHAI CÁC DỊCH VỤ PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS**

| TT | Nội dung báo cáo     | Chương trình |          |            |                   |                   |
|----|----------------------|--------------|----------|------------|-------------------|-------------------|
|    |                      | Dự phòng     | Điều trị | Xét nghiệm | Theo dõi đánh giá | Nâng cao năng lực |
| 1  | Ngân sách trung ương |              |          |            |                   |                   |
| 2  | Ngân sách địa phương |              |          |            |                   |                   |
| 3  | Viện trợ             |              |          |            |                   |                   |
| 4  | Khác                 |              |          |            |                   |                   |

**BẢNG 5: NGUỒN NHÂN LỰC HỆ THỐNG**

| TT  | Nội dung báo cáo    | Số cán bộ |    |      |
|---|---------------------|-----------|----|------|
|   |                     | Nam       | Nữ | Tổng |
| <b>Số cán bộ công tác trong lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS:</b> |                     |           |    |      |
| 1   | Cán bộ chuyên trách |           |    |      |
| 2   | Cán bộ kiêm nhiệm   |           |    |      |

**Khó khăn và tồn tại:**

.....

.....

.....

.....

**Nhận xét và đề xuất:**

.....

.....

.....

.....

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Người kiểm tra biểu**  
(Ký, họ tên)

Ngày ..... tháng.....năm 20...

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, họ tên)